UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2007/QĐ-UBND	*Sơn Trà, ngày 03 tháng 4 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Qui định mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ loại 2 và loại 3 trên địa bàn quận Sơn Trà

UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 25/2006/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 3 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng v/v qui định mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ và Quyết định số 6340/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 9 năm 2006 của UBND thành phố Đà Nẵng v/v giao quận, huyện quy định mức thu, mức trích để lại cho các đơn vị trực tiếp thu phí chợ đối với các chợ do quận, huyện, phường, xã quản lý;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch quận Sơn Trà,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức thu phí đối với hộ kinh doanh tại các chợ loại 2 và loại 3 trên địa bàn quận Sơn Trà.

2. Đối tượng nộp phí chợ:

a) Doanh nghiệp, hộ kinh doanh có đặt cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ;

b) Người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ;

Điều 2. Quản lý và sử dụng phí chợ:

1. Việc trích để lại cho đơn vị thu phí đối với các chợ do Nhà nước đầu tư vốn xây dựng được thực hiện như sau:

a) Ban quản lý chợ loại 2 thuộc quận được trích để lại 75% trên tổng số phí thu được. Trong đó, giữ lại 30% trên tổng mức thu để chi đầu tư sửa chữa chợ, còn lại 45% chi cho quản lý chợ;

b) UBND các phường được trích để lại 80% trên tổng số phí thu được. Trong đó, giữ lại 40% trên tổng mức thu để chi đầu tư sửa chữa chợ, còn lại 40% chi cho quản lý chợ; Riêng chợ Mân Thái và chợ Chiều phường Thọ Quang sử dụng 80% được trích lại trên tổng số thu để chi quản lý chợ.

2. Số tiền trích để lại phải được quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về phí, lệ phí; số tiền còn lại nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước của mỗi cấp ngân sách.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày ký và thay cho Quyết định số 20/2006/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2006 của UBND quận Sơn Trà v/v quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ loại 2 và loại 3 trên địa bàn quận Sơn Trà.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế, Chi Cục trưởng Chi cục thuế quận Sơn Trà, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Sơn Trà, Ban Quản lý chợ loại II, Chủ tịch UBND các phường thuộc quận, các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Công Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MỨC THU PHÍ CHỢ LOẠI 2 VÀ LOẠI 3 TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN SƠN TRÀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2007 của UBND quận Sơn Trà)

I. Mức thu phí chợ loại 2:

Đối tượng thu	Diện tích mỗi lô (m2)	Hộ cố định (đồng/m2/tháng)	Hộ không cố định (đồng/người/ngày)
I. Chợ An Hải Đông:			
1. Khu Kiốt:			
- Lô 1 mặt tiền	6,25	26.400	
- Lô 2 mặt tiền	6,25	21.900	
2. Nhà đình số 1	2,40	35.100	
3. Nhà đình số 2:			
- Hộ kinh doanh ăn uống	2,10	34.100	
- Hộ kinh doanh gia vị	2,10	34.100	
4. Nhà đình số 3:			
- Hộ kinh doanh thịt	1,60	71.300	
- Hộ kinh doanh la gim	1,60	71.300	
5. Chợ trời số 1	1,60	33.500	
6. Chợ trời số 2	1,60	33.500	
7. Hàng cá (KD ngoài mặt tiền)	1,20	90.500	
8. Hàng cá (KD phía trong)	1,20	75.300	
9. Hộ kinh doanh không cố định			3.000
II. Chợ Mai phường Thọ Quang:			
1. Khu Kiốt:			
- Hộ ở ngoài	5,60	52.900	
- Hộ ở trong	5,60	43.700	
2. Hộ kinh doanh bách hoá vải sợi	4,00	15.000	
3. Hộ kinh doanh ăn uống	4,00	15.000	
4. Hộ kinh doanh tráicây	4,00	38.000	
5. Hộ kinh doanh thịt	2,00	28.600	
6. Hộ kinh doanh la gim, gia vị	3,00	14.700	
7. Hàng cá	1,00	80.000	
8. Hộ kinh doanh không cố định			2.500

II. Mức thu phí chợ loại 3:

	Đối tượng thu	Hộ cố định (đồng/m2/tháng)	Hộ không cố định (đồng/người/ngày)
1.	**Chợ Phước Mỹ:**		
	- Hộ kinh doanh cá	60.000	
	- Hộ kinh doanh cố định khác	28.000	
	- Hộ kinh doanh không cố định		5.000
2.	**Chợ Mân Thái:**		
	- Hộ kinh doanh cố định	10.000	
	- Hộ kinh doanh không cố định		3.000
3.	**Chợ Nại Hiên Đông:**		
	- Hộ kinh doanh trong kiốt	19.000	
	- Hộ kinh doanh cố định	20.000	
	- Hộ kinh doanh không cố định		2.000
4.	**Chợ Hà Thân:**		
a.	Hộ kinh doanh cố định		
	- Hộ kinh doanh lồng chợ I	25.000	
	- Hộ kinh doanh lồng chợ II	23.000	
	- Hộ kinh doanh ngoài lồng chợ	21.000	
b.	Hộ kinh doanh không cố định		3.000
5.	**Chợ Chiều:**		
	- Hộ kinh doanh cố định	15.000	
	- Hộ kinh doanh không cố định		2.000
6.	**Chợ An Hải Bắc:**		
a.	Hộ kinh doanh cố định		
	- Hộ kinh doanh trong kiốt	25.000	
	- Hộ kinh doanh lồng chợ chính	25.000	
	- Hộ kinh doanh ngoài lồng chợ	21.000	
b.	Hộ kinh doanh không cố định		3.000

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Công Hồ